

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/DS - PT

Ngày 30 - 5 - 2022

V v Tranh chấp về hợp đồng

vận chuyển tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thọ;

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Minh Hiền; bà Nguyễn Thị Hương Giang.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hương Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/DSPT ngày 25/02/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS- ST ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐ - PT ngày 13/4/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐ - PT ngày 05/5/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV N (sau đây viết tắt là Công ty N), do ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt);

Địa chỉ Công ty: Khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

*- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty N (văn bản ủy quyền ngày 10/4/2021):* Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 64, đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Phan Văn N1, sinh năm 1989 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang,

- Người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Văn N1 (văn bản ủy quyền ngày 20/01/2022):

+ Công ty luật TNHH Minh Anh do ông Trần Văn Đ; chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ trụ sở Công ty: Tổ 14, khu H, phường Y, quận H, TP Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Mỹ L, sinh năm:1996 (văn bản ủy quyền ngày 26/5/2022, có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án);

Địa chỉ: Phòng 1405, tòa nhà B 10B, khu đô thị N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Lô số 6, LK 18, tổ dân phố Lèo, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện 15/4/2021, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của Công ty N trình bày: Ngày 20/7/2019, Công ty N và anh N1 ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 017/HĐVC/VTLS 2018, theo hợp đồng, anh N1 nhận vận chuyển hoa quả, hàng hóa của Công ty N bằng xe ô tô đầu kéo của anh N1 từ điểm nhận hàng đến điểm trả hàng sau:

Điểm nhận hàng: Thà Khẹt – Lào, Bản Đông – Lào, Savanakhet – Lào (qua cửa khẩu Chalo – Quảng Bình; Lao Bảo- Quảng Trị) và một số địa điểm khác theo yêu cầu của Công ty N;

Điểm trả hàng: Cửa khẩu C, T, H, C– Lạng Sơn; T – Hà Giang.

Ngày 09/7/2020, anh N1 nhận hàng tại cửa khẩu quốc tế Chalo tỉnh Quảng Bình vận chuyển hàng đến cửa khẩu H Lạng Sơn ngày 12/7/2020. Sau khi vận chuyển hàng xong anh N1 không trả lại vỏ Container cho Công ty N. Công ty N có gọi điện thoại, nhắn tin qua điện thoại, nhắn tin qua Zalo cho anh N1, yêu cầu anh N1 trả vỏ Container nhưng anh N1 không trả. Anh N1 đã vi phạm hợp đồng đã ký kết. Công ty N khởi kiện yêu cầu anh N1 cụ thể như sau:

Yêu cầu anh N1 phải trả lại Container CRLU 1390917;

Chịu phạt tiền do chậm giao Container 1.000.000/1 ngày, từ ngày 22/7/2020 đến ngày 28/4/2021 là 280 ngày, tương đương 280.000.000 đồng. Kể từ ngày 29/4/2021 đến khi xét xử sơ thẩm Công ty không yêu cầu anh N1 phải trả tiền do chậm giao lại vỏ Container.

*Anh Phan Văn N1 trình bày:* Anh là lái xe tự do, không có đăng ký kinh doanh, anh có ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 017/HĐVC/VTLS 2018 ngày 20/7/2019 với Công ty TNHH MTV N, chữ ký trong hợp đồng là của anh. Theo như hợp đồng thì anh là bên vận chuyển hàng hóa bằng xe ô tô của mình khi Công Ty N có hàng cần vận chuyển từ cửa khẩu C tỉnh Quảng Bình đến cửa khẩu H tỉnh Lạng Sơn. Hàng hóa được trả bằng vỏ container do Công ty N thuê, mỗi chuyến hàng anh phải trả 1.000.000 đồng thuê tiền vỏ container. Ngày 09/7/2020, anh có nhận hàng tại cửa khẩu quốc tế C, tỉnh Quảng Bình vận chuyển hàng đến cửa khẩu H Lạng Sơn, ngày 11/7/2020, anh giao cả xe hàng cho tài xế khác để trả hàng sang Trung Quốc, bên Trung Quốc nhận hàng xong, ngày 12/7/2020, anh nhận xe cùng với thùng container về nhà anh tại Y, Bắc Giang, khi nào có hàng Công ty gọi điện thoại anh lại đi trở hàng. Anh ở nhà 10 ngày không thấy Công ty gọi trở hàng. Ngày 22/7/2020, anh có gọi điện thoại cho điều hành Công ty thông báo về việc hiện tại Công ty chưa có hàng để vận chuyển, anh có hạ vỏ container xuống để chạy hàng khác, khi nào Công ty N yêu cầu anh lại vận chuyển hàng cho Công ty. Khoảng ngày 02/8/2020, anh có gọi điện thoại cho bà T1 là giám đốc Công ty, nói về việc Công ty không có hàng vận chuyển, anh đã bán xe. Anh yêu cầu Công ty trả tiền cước xe 37.800.000 đồng để lấy tiền chở vỏ container trả lại Công ty, nhưng Công ty không trả tiền cước xe cho anh, vì vậy anh không thể thuê xe để trả vỏ Container cho Công ty. Cuối tháng 7/2020 anh đã bán xe.

Anh N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty N; anh yêu cầu Công ty N phải trả tiền cước xe là 37.800.000 đồng.

*Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T trình bày:* Anh N1 có gửi anh trông coi vỏ Container CRLU 1390917 từ khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2021, hai bên thỏa thuận miệng, phí gửi là 20.000 đồng/ ngày, đến nay anh N1 chưa thanh toán tiền cho anh. Công ty N khởi kiện anh N1, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

+ Ngày 07/12/2021 Tòa án nhân dân huyện Y tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với vỏ Container CRLU 1390917.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ như sau: 01 vỏ Container CRLU 1390917- 45R1 màu trắng, Container lạnh F 40, dài 12 m, rộng 2,4m, cao 2,6m, trọng lượng vỏ là 4.290 kg, thể tích 67m<sup>3</sup>. Vỏ Container CRLU 1390917 hiện đang để tại bãi đất trống thuộc tổ dân phố L, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang do anh Phạm Văn T trông giữ.

Với nội dung vụ án như trên, bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS- ST ngày 16/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 157, 158, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 105, 166, 530, 533, 536 Bộ luật dân sự. Khoản 2, 5 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N và yêu cầu phản tố của anh Phan Văn N1.

Buộc Công ty N phải trả cho anh Phan Văn N1 tiền cước xe là 37.800.000 đồng.

Buộc anh Phan Văn N1 phải trả cho Công ty N vỏ Container CRLU 1390917;

Buộc anh Phan Văn N1 phải trả cho Công ty N số tiền 280.000.000 đồng nhưng được trừ vào số 37.800.000 đồng Công ty N phải trả tiền cước xe cho anh N1. Anh N1 còn phải trả Công ty N số tiền 242.200.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo của các đương sự.

Do tại phiên toà sơ thẩm ngày 16/12/2021 anh N1 vắng mặt, ngày 24/12/2021, Toà án nhân dân huyện Y giao bản án cho anh N1.

Ngày 08/01/2022 anh N1 viết đơn kháng cáo, do ngày 08/01/2022 và ngày 09/01/2022 là ngày thứ bảy và ngày chủ nhật nên ngày 10/01/2022 anh N1 gửi đơn kháng cáo qua đường bưu điện (bút lục số 177).

Nội dung kháng cáo: Anh N1 không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm buộc anh phải trả Công ty N số tiền 242. 000.000đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS- ST ngày 16/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên toà phúc thẩm, N1 đơn không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; bị đơn thay đổi kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

*Chị Nguyễn Mỹ L đại diện theo uỷ quyền của anh Phan Văn N1 trình bày:* Anh N1 không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, buộc anh N1 phải bồi thường cho Công ty N 242.500.000đồng sau khi đã trừ khoản tiền 37.800.000đồng cước vận chuyển Công ty N phải trả anh N1 là không đúng, vì sau khi anh N1 trả hàng xong anh đã chở vỏ container về nhà tại Y, Bắc Giang nhưng trước khi về anh đã gọi điện thoại, nhắn tin trên zalo và được phía Công ty N đồng ý nhưng bản án sơ thẩm vẫn buộc anh phải bồi thường tiền do chậm giao trả container là không đúng với nội dung anh và Công ty N đã thoả thuận. Do chiếc điện thoại anh N1 sử dụng để giao dịch với công ty N đã bị mất nên anh N1 không có căn cứ để chứng minh nội dung anh đã giao dịch với Công ty N qua zalo. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung chứng cứ là nội dung trao đổi thoả thuận giữa anh N1 và Công ty N trên zalo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N.

*Anh Phan Văn N1 trình bày:* Đồng ý với nội dung trình bày của chị Linh, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Anh N1 thừa nhận, đến thời điểm xét xử phúc thẩm anh chưa trả vỏ container cho Công ty N.

*Ông Nguyễn Xuân H trình bày:* Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty N, buộc anh N1 phải chịu tiền phạt vi phạm do anh N1 chậm trả vỏ container, nội dung này đã được thoả thuận trong hợp đồng vận chuyển các bên ký kết. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh N1. Giữ N1 bản án dân sự sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các công việc khác đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

N1 đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn N1. Giữ N1 bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS- ST ngày 16/12/2021 của Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Anh Phan Văn N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phạm Văn T vắng mặt nhưng anh T không liên quan đến kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về yêu cầu của chị L là người đại diện theo ủy quyền của anh N1 đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung chứng cứ.

Anh N1 khai: Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh đã có liên lạc bằng zalo với Công ty N có nội dung Công ty N đồng ý cho anh chở container về nhà ở Y sau khi trả hàng vào ngày 12/7/2020 nhưng chiếc điện thoại dùng để liên lạc đã mất, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ xác định nội dung anh đã liên lạc với Công ty N. Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa đại diện Công ty N không thừa nhận có nội dung thỏa thuận như anh N1 trình bày, bản thân anh N1 phản đối yêu cầu của Công ty N nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh nên anh phải chịu hậu quả, yêu cầu ngừng phiên tòa là không có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của anh Phan Văn N1 không đồng ý trả cho Công ty N 280.000.000 đồng do chậm giao lại vỏ Container: Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 20 tháng 7 năm 2019 Công ty N và anh N1 ký hợp đồng vận chuyển hàng hóa số 017/HĐVC/VTLS 2018. Theo hợp đồng thì Công ty N là bên thuê vận chuyển, anh N1 là bên vận chuyển. Công ty N và anh N1 đều thừa nhận, ngày 09/7/2020, anh N1 nhận hàng tại cửa khẩu quốc tế C, tỉnh Quảng Bình vận chuyển hàng đến cửa khẩu H, tỉnh Lạng Sơn ngày 11/7/2020, sau khi giao hàng, ngày 12/7/2020 anh N1 chở vỏ container về

nhà tại Y, mà không trả cho Công ty N. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N1 thừa nhận chưa trả vỏ container cho Công ty N.

Theo thỏa thuận tại mục 2 Điều IV của hợp đồng số 017/HĐVC/VTLS 2018, ngày 20 tháng 7 năm 2019 hai bên đã thỏa thuận: “Sau khi giao hàng xong, bên công ty vận chuyên phải trả lại cont cho chủ hàng trong vòng 5 ngày, trong trường hợp xe hỏng có thể kéo dài 10 ngày. Nếu sửa xong phải cho xe khác kéo cont trả tại điểm nhận cont hoặc bất kỳ địa điểm nào khác do bên A quy định. Nếu quá thời hạn sẽ bị phạt 1.000.000 vnd/ngày” (bút lục số 05). Thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại điểm e khoản 2 Điều 398 Bộ luật dân sự. Anh N1 thừa nhận sau khi giao hàng và nhận vỏ Container đã không trả lại cho Công ty N. Như vậy, anh N1 là bên vi phạm, Công ty N là bên bị vi phạm hợp đồng hai bên ký kết.

Điều 418 Bộ luật dân sự quy định về thỏa thuận phạt vi phạm: *Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác.*

Căn cứ vào quy định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty N là quy định tại Điều 418 Bộ luật dân sự.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn N1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS- ST ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo cáo anh N1 không được chấp nhận nên anh N1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn N1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS- ST ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phan Văn N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp ghi tại biên lai thu số 0009391

ngày 24/01/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh N1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Y;
- CCTHADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Xuân Thọ**